

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**Dự thảo 27.5.2026****NGHỊ ĐỊNH****Quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều 4; khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 5; các khoản 2, 3 và 4 Điều 6; khoản 2 và khoản 4 Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 11 và hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 7; khoản 2 Điều 10 của Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia phát triển văn hóa Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội trong lĩnh vực văn hóa**

1. Bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 28/2026/QH16; thống nhất, đồng bộ với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

2. Thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, gắn với tổng kết, đánh giá làm cơ sở để xem xét, quyết định luật hóa; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu

quả; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; ngăn chặn biểu hiện tiêu cực, lợi ích nhóm trong triển khai.

3. Gắn trách nhiệm giải trình và hiệu quả trong quản lý nhà nước; tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của toàn xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Các ngành công nghiệp văn hóa* là những ngành tạo ra các sản phẩm kết hợp yếu tố văn hóa, sáng tạo, công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, hưởng thụ văn hóa của người dân và phù hợp với mục tiêu hội nhập quốc tế, phát triển bền vững đất nước, bao gồm: Điện ảnh; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; nghệ thuật biểu diễn; phần mềm và các trò chơi giải trí; quảng cáo; thủ công mỹ nghệ; du lịch văn hóa; thiết kế sáng tạo; truyền hình và phát thanh; xuất bản.

2. *Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá* là khu vực có ranh giới địa lý xác định, tập trung các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá, được đầu tư xây dựng nhằm liên kết các không gian sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm, sản xuất, phân phối, thương mại hoá các sản phẩm, dịch vụ văn hoá; hỗ trợ đào tạo văn hoá, nghệ thuật, giải trí, dịch vụ văn hoá, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan để tạo thành hệ sinh thái công nghiệp văn hoá, giải trí đồng bộ, hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Trong đó:

a) *Khu công nghiệp sáng tạo văn hoá* có quy mô lớn, tập trung các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, có hạ tầng đồng bộ, có các phân khu chức năng phục vụ sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa ở quy mô công nghiệp.

b) *Cụm công nghiệp sáng tạo văn hoá* có quy mô tập trung các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh, nhóm sáng tạo, nghệ sĩ, nhà thiết kế, nhà sản xuất, cơ sở đào tạo, cơ sở thực hành nghề và các chủ thể khác được liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ, có tính chuyên môn hóa cao trong các ngành công nghiệp văn hóa.

3. *Hệ sinh thái công nghiệp văn hoá* là mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể, tổ chức trung gian, vườn ươm khởi nghiệp, thành phần sáng tạo, sản phẩm, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa.

4. *Doanh thu từ “tài sản trí tuệ” (gọi tắt là “IP”) trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa* là doanh thu phát sinh từ hoạt động chuyên quyền sử dụng tác phẩm, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật, doanh thu từ sản phẩm phái sinh, doanh thu từ phân phối nội dung, quảng cáo trực tuyến và các dịch vụ trải nghiệm, du lịch văn hóa và các mô hình kinh doanh dựa trên

nền tảng tài sản trí tuệ gốc được tạo ra, sản xuất, phát triển và thương mại hóa trong cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa.

5. *Nghệ thuật truyền thống* bao gồm tuồng, chèo, cải lương, bài chòi, múa rối, dân ca kịch, kịch hát dân ca, mỹ thuật truyền thống, âm nhạc truyền thống, các loại hình diễn xướng dân gian truyền thống của các dân tộc.

6. *Giải thưởng cá nhân xuất sắc* là giải thưởng cao nhất được trao theo từng lĩnh vực sáng tạo hoặc chuyên môn điện ảnh do Ban Tổ chức công bố.

7. *Sáng tạo* là quy trình tạo nên công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật hoàn chỉnh, đáp ứng giá trị về chính trị, tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, bao gồm các khâu sau đây:

- a) Sáng tác, chuyên thể, phác thảo, thiết kế;
- b) Thi công công trình mỹ thuật, dàn dựng, luyện tập, tổ chức sản xuất;
- c) Trình diễn, biểu diễn;
- d) Phổ biến, trưng bày, triển lãm, trình chiếu, thử nghiệm, đăng tải, phát hành.

8. *Hoạt động sáng tạo nghệ thuật* là quá trình tạo ra, thể hiện, hoàn thiện hoặc tái tạo tác phẩm, sản phẩm, hình thức biểu đạt nghệ thuật bằng tư duy sáng tạo, cảm xúc, trí tưởng tượng, tri thức và kỹ năng chuyên môn, nhằm tạo nên giá trị thẩm mỹ, tư tưởng, văn hóa và tinh thần.

9. *Hoạt động sáng tạo nghệ thuật truyền thống* là quá trình kế thừa, vận dụng và phát triển các giá trị, chất liệu, quy phạm thẩm mỹ, kỹ thuật biểu đạt và bản sắc văn hóa của nghệ thuật truyền thống để tạo ra, làm sống lại hoặc làm mới tác phẩm, sản phẩm, hình thức biểu đạt nghệ thuật nhằm bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống trong đời sống đương đại.

10. *Công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật* là công trình tác phẩm được Hội đồng thẩm định chuyên môn đánh giá cao.

## **Chương II**

### **CỤM, KHU CÔNG NGHIỆP SÁNG TẠO VĂN HÓA; TỔ HỢP SÁNG TẠO VĂN HÓA**

**Điều 5. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa**

1. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa thực hiện các chức năng sau đây:

- a) Cho thuê, khai thác, sử dụng mặt bằng để xây dựng phát triển không gian sáng tạo, sản xuất, kinh doanh không gian làm việc chung, không gian biểu diễn,

trung bày, triển lãm, trải nghiệm sản phẩm văn hóa, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nghệ thuật văn hóa;

b) Cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, không gian sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ và các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa;

c) Kết nối hoạt động sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm, sản xuất, phân phối, khai thác và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ văn hóa;

d) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, ương tạo tài năng, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, giải trí;

đ) Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ cao, chuyển đổi số, mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa;

e) Cung cấp dịch vụ hỗ trợ về pháp lý, sở hữu trí tuệ, thiết kế, truyền thông, quảng cáo, marketing, phân phối, xúc tiến thương mại, đào tạo và phát triển tài năng;

g) Kết nối doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu, nhà đầu tư, cộng đồng sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa và kết nối thị trường trong nước, quốc tế;

h) Tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật, sáng tạo, tuần lễ sáng tạo, hội chợ, triển lãm, biểu diễn sản phẩm, dịch vụ văn hóa và kết hợp phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch văn hóa, ẩm thực, giải trí, giáo dục trải nghiệm và các dịch vụ phụ trợ khác phù hợp với mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa.

## 2. Tổ hợp sáng tạo văn hóa:

a) Thực hiện các chức năng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều này và một hoặc một số hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp hoặc mô hình tổ chức hợp pháp khác.

3. Việc hình thành, phát triển cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa để tạo thành hệ sinh thái công nghiệp văn hóa phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn và quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm kết nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, giao thông, không gian công cộng, chỉ tiêu sử dụng đất, mật độ xây dựng, tầng cao, cảnh quan kiến trúc; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy; bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc; không làm biến dạng, xâm hại hoặc thương mại hóa trái pháp luật giá trị văn hóa, di sản văn hóa bảo đảm điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

## **Điều 6. Điều kiện hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa**

### 1. Điều kiện hình thành:

a) Có địa điểm, ranh giới, quy mô, diện tích, phương án sử dụng đất, công trình, mặt bằng hoặc tài sản phù hợp với tính chất, mục tiêu, chức năng hoạt động; trong đó khu công nghiệp sáng tạo văn hóa có diện tích tối thiểu 05ha, cụm công nghiệp sáng tạo văn hóa có diện tích từ 02ha đến dưới 05ha; tổ hợp sáng tạo văn hóa có diện tích sàn sử dụng tối thiểu 2.000m<sup>2</sup> đến 5.000 m<sup>2</sup> đối với tòa nhà, công trình cải tạo, tái thiết hoặc chuyển đổi công năng. Đối với các mô hình có tích hợp phân khu trải nghiệm, du lịch văn hóa, phải dành tối thiểu 10% diện tích sàn sử dụng cho các hoạt động công cộng, trưng bày và tương tác văn hóa;

b) Có phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng, chuyển đổi công năng hoặc khai thác hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng dịch vụ, không gian sáng tạo và điều kiện bảo đảm vận hành; bảo đảm hạ tầng viễn thông, lưu trữ, xử lý dữ liệu, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu phù hợp quy mô, tính chất hoạt động;

c) Có phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác khả thi, hiệu quả, an toàn, công khai, minh bạch; có bộ máy quản lý, vận hành và cơ chế phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan;

d) Có nguồn lực tài chính và phương án huy động nguồn lực tài chính hợp pháp để đầu tư, vận hành, duy trì hoạt động;

đ) Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn lao động, bảo vệ di sản văn hóa, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và điều kiện khác theo quy định của pháp luật;

e) Có cơ chế quản lý sở hữu trí tuệ, cơ chế bảo mật dữ liệu sáng tạo và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả vận hành phù hợp với mô hình cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa hoặc tổ hợp sáng tạo văn hóa;

g) Có phương án phân khu chức năng, bao gồm: Phân khu xây dựng, sáng tạo; sản xuất chính; phân khu hạ tầng kỹ thuật dùng chung; phân khu trình diễn, giới thiệu, trải nghiệm và giao lưu; phân khu lưu trú cho chuyên gia, cá nhân sáng tạo; phân khu đào tạo, nghiên cứu.

2. Lập đề án hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa phải xác định mục tiêu duy trì tối thiểu 70% số lượng tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và bảo đảm 60% diện tích sử dụng từ các hoạt động thuộc danh mục ngành, lĩnh vực công nghiệp văn hóa; đồng thời phải cam kết lộ trình đạt tỷ lệ doanh thu từ IP như sau:

a) Từ năm thứ ba đi vào hoạt động, tỷ lệ doanh thu IP trên tổng doanh thu hoạt động phải đạt tối thiểu 10%;

b) Từ năm thứ năm đi vào hoạt động trở đi, tỷ lệ doanh thu IP trên tổng doanh thu hoạt động phải đạt tối thiểu 20%;

c) Trường hợp doanh nghiệp chưa đạt tỷ lệ doanh thu IP do đặc thù sản phẩm nội dung có chu kỳ nghiên cứu và sản xuất dài, doanh nghiệp được phép quy đổi bằng việc chứng minh chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) dành cho IP chiếm trên 30% tổng chi phí vận hành trên một năm của doanh nghiệp.

d) Trường hợp tỷ lệ quy định tại khoản này thấp hơn 60% diện tích và không đáp ứng cam kết về doanh thu IP trong 03 năm liên tiếp, cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, đình chỉ, chấm dứt việc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù hoặc thu hồi quyết định, văn bản chấp thuận theo quy định của pháp luật.

đ) Công thức tính tỷ lệ doanh thu IP/năm ( $T_{IP}$ ):

$$T_{IP} = \frac{DT_{IP}}{DT_{Tổng}} \times 100\%$$

*Trong đó:*

$T_{IP}$ : tỷ lệ doanh thu từ tài sản trí tuệ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm tài chính.

$DT_{IP}$ : tổng doanh thu từ việc chuyển quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ, tiền bản quyền, tiền cấp phép; từ phân phối, phổ biến, trình chiếu, phát sóng, truyền đạt, khai thác nội dung trên nền tảng số; doanh thu từ sản phẩm phái sinh dựa trên tài sản trí tuệ gốc và doanh thu khác từ IP quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

$DT_{Tổng}$ : doanh thu hợp lệ của doanh nghiệp trong năm tài chính.

e) Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trong các cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa phải bảo đảm 50 % doanh thu từ các hoạt động kinh doanh trong các ngành công nghiệp văn hóa trên tổng doanh thu hàng năm.

3. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa chỉ được hình thành trên cơ sở đề án được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận theo quy định tại Nghị định này.

### **Điều 7. Thẩm quyền quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa**

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền tổ chức đánh giá, điều chỉnh quy hoạch hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

3. Tổ chức, cá nhân đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa chịu trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định này và gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **Điều 8. Hồ sơ đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa**

1. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa;

b) Đề án hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

b1) Sự cần thiết, căn cứ pháp lý và mục tiêu hình thành;

b2) Tên gọi, địa điểm, ranh giới, quy mô, diện tích, diện tích sàn sử dụng (nếu có), phạm vi, nội dung hoạt động; phương án phân khu chức năng, phân khu dùng chung, phân khu trải nghiệm du lịch;

b3) Hiện trạng đất đai, công trình, tài sản, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng dịch vụ và điều kiện phục vụ hoạt động;

b4) Phương án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, lưu trữ, xử lý dữ liệu, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu; phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng, chuyển đổi công năng, khai thác và sử dụng hạ tầng, mặt bằng, công trình, tài sản;

b5) Phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, cung cấp dịch vụ hỗ trợ, bảo vệ và phát triển IP và kết nối thị trường;

b6) Phương án huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính; dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội, văn hóa, tác động môi trường;

b7) Phương án bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ di sản văn hóa, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và xử lý rủi ro trong quá trình hoạt động.

c) Đối với trường hợp đề xuất có sử dụng đất, tài sản công, công trình công cộng, thiết chế văn hóa, thể thao, trụ sở, nhà xưởng, kho tàng hoặc công trình thuộc sở hữu nhà nước (hoặc di sản công nghiệp thuộc di sản di dời), hồ sơ phải kèm theo tài liệu về hiện trạng pháp lý, phương án quản lý, sử dụng, khai thác, chuyển đổi công năng, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai, tài sản công, đầu tư, xây dựng và pháp luật có liên quan;

d) Đối với trường hợp nằm trong khu vực có di sản văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị, khu vực bảo vệ di tích, không gian văn hóa truyền thống hoặc khu vực có yếu tố quốc phòng, an ninh, phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục, thời gian thụ lý hồ sơ và xem xét, quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa theo quy định của pháp luật và điều chỉnh, bổ sung, thu hồi quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa.

6. Trường hợp thay đổi, bổ sung, điều chỉnh đơn vị quản lý, vận hành hoặc nội dung hoạt động mà không làm thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi và tính chất hoạt động của cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng

tạo văn hóa, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 9. Các trường hợp thu hồi quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa**

1. Không còn đáp ứng điều kiện hình thành, hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

2. Hoạt động không đúng mục tiêu, tính chất, chức năng, quy mô, phạm vi hoặc nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

3. Không duy trì tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân hoặc diện tích sử dụng cho hoạt động công nghiệp văn hóa theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

4. Vi phạm đến mức phải xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ di sản văn hóa, sở hữu trí tuệ hoặc quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Chủ đầu tư có văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động.

**Điều 10. Kiểm tra, đánh giá hoạt động của cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch ở trung ương và địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ hoặc đột xuất đối với hoạt động của các cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa.

2. Nội dung kiểm tra tổ chức, hoạt động, quản lý, vận hành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá và tổ hợp sáng tạo văn hoá phải phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và được thực hiện không quá một lần trong một năm trừ trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Chủ đầu tư và đơn vị quản lý, vận hành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa chấp hành, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra và kịp thời thực hiện biện pháp ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá và tổ hợp sáng tạo văn hoá khi có yêu cầu của cơ quan chức năng và đoàn kiểm tra.

### Chương III

#### ĐÔ THỊ DI SẢN VĂN HÓA

**Điều 11. Tiêu chí thí điểm mô hình đô thị di sản văn hóa**

Địa phương thí điểm xây dựng mô hình đô thị di sản văn hóa được đầu tư tu bổ, tôn tạo, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đáp ứng các tiêu chí sau đây:

1. Hình thành quần thể kiến trúc đô thị, nông thôn, địa điểm cư trú, khu vực đô thị và nông thôn, công trình công nghiệp chứa đựng công trình kiến trúc và không gian lịch sử, văn hóa có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển của lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật.

2. Hình thành các nhóm công trình xây dựng, các nhóm công trình liên hoàn có tính đồng nhất về kiến trúc và cảnh quan hoặc có giá trị nổi bật về văn hoá, khoa học, lịch sử theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá.

3. Các địa điểm, khu vực trong lòng đất và dưới nước đã phát hiện di tích, di vật hoặc có dấu hiệu lưu giữ di tích, di vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

4. Cảnh quan thiên nhiên, môi trường - sinh thái và không gian cảnh quan vật chất tự nhiên chứa đựng giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ cùng không gian văn hóa vật thể và phi vật thể liên quan có tầm quan trọng trong việc hình thành giá trị của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được bảo tồn và phát huy giá trị theo hướng gắn kết không gian di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể với cộng đồng chủ thể.

5. Có nhiều di sản văn hóa vật thể hoặc di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu trên địa bàn được công nhận, xếp hạng, ghi danh UNESCO và quốc gia; thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát huy giá trị gắn với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa; Ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với nghệ nhân.

6. Có kinh nghiệm thực tiễn trong công tác đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa bảo đảm nguyên tắc bảo tồn và yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa theo hướng ổn định, lâu dài, bền vững; lấy di sản văn hoá làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa có hiệu quả, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và GRDP của địa phương.

7. Thực hiện tốt việc phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với giáo dục truyền thống, du lịch văn hóa, tạo sinh kế cho cộng đồng và phát triển bền vững.

8. Có cộng đồng cư dân tham gia bảo vệ, thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa.

## **Điều 12. Cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai**

Chính quyền địa phương thực hiện thí điểm mô hình đô thị di sản văn hóa được quyết định cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai như sau:

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chỉ tiêu sử dụng đất ngoài các chỉ tiêu đã được phân bổ theo quy hoạch sử dụng đất quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực di sản văn hóa, công nghiệp văn hóa.

Chỉ tiêu sử dụng đất bổ sung được cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thời kỳ tiếp theo theo quy định;

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức áp dụng cơ chế ưu đãi đơn giá thuê đất theo từng không gian đặc thù, bảo đảm mức tối đa không vượt quá 50% so với mức quy định hiện hành, để thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ, du lịch, dự án đầu tư công - quản trị tư, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực di sản văn hóa, thực hiện các đề án khai thác kinh tế di sản, phát triển công nghiệp văn hóa theo quy hoạch, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong khu vực di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới (sau đây gọi chung là di tích) trong trường hợp bảo đảm không ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành và cảnh quan văn hóa của di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Mức áp dụng cơ chế ưu đãi đơn giá thuê đất theo từng không gian đặc thù do các địa phương thí điểm đô thị di sản quyết định.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giá thuê mặt bằng khai thác dịch vụ tại các di tích thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, làm cơ sở để tổ chức đấu thầu, đấu giá theo hình thức cho thuê mặt bằng tại di tích trong trường hợp bảo đảm không ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành và cảnh quan văn hóa của di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

4. Địa phương được giữ lại 50% số tiền thu được từ khai thác dịch vụ di sản văn hóa sau khi trừ các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc tổ chức khai thác dịch vụ bao gồm chi phí xác định giá, chi phí tổ chức đấu giá, chi phí trong lựa chọn nhà thầu, chi phí điện nước, nhân công và các chi phí có liên quan khác thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật (nếu có) để tái đầu tư cho hoạt động dịch vụ di sản văn hóa, bổ sung nguồn chi thường xuyên hằng năm sử dụng cho công tác quản lý và hoạt động của đơn vị được giao quản lý, sử dụng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan và được xác định là nguồn thu hợp pháp của đơn vị; trích lập các quỹ theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Địa phương được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của địa bàn.

6. Ngân sách địa phương thí điểm đô thị di sản được hưởng toàn bộ các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất và tiền cho thuê mặt bằng khai thác dịch vụ tại di tích, thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này để tái đầu tư hạ tầng đô thị di sản, thực hiện bảo quản, tu

bổ, phục hồi di tích và các hoạt động bảo vệ phát huy giá trị di tích, di sản văn hóa, công nghiệp văn hóa.

7. Các khoản thu quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

### **Điều 13. Cơ chế, chính sách ưu đãi về phí, lệ phí**

Chính quyền địa phương thực hiện thí điểm mô hình đô thị di sản được quyết định cơ chế, chính sách ưu đãi về phí, lệ phí như sau:

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định ban hành mức thu phí dịch vụ tại di tích, lệ phí ngoài danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

2. Ngân sách địa phương được hưởng toàn bộ các khoản thu từ phí, lệ phí do Hội đồng nhân dân ban hành ngoài danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

3. Phí thăm quan di tích trên địa bàn đô thị di sản phải nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ chi phí được trích để lại cho đơn vị sự nghiệp công lập để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Ngân sách địa phương được bố trí đầu tư tương ứng số thu phí thăm quan nộp vào ngân sách nhà nước để thực hiện đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn.

4. Các khoản thu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

## **Chương IV**

### **ĐẶT HÀNG, KHOẢN CHI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO VĂN HÓA SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**Điều 14. Đặt hàng đối với hoạt động sáng tạo văn hóa sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Việc đặt hàng sản xuất phim, phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 131/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu và các quy định liên quan.

3. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

4. Cơ chế đặt hàng trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm đối với công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật như tác phẩm

văn học, mỹ thuật, nhiếp ảnh; mẫu phác thảo tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng và công trình mỹ thuật công cộng, sách ảnh, triển lãm; chương trình biểu diễn nghệ thuật được xác định theo mức khoán chi thí điểm quy định tại Điều 16 Nghị định này do cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án giá.

5. Đối với các công trình, tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật có thời gian thực hiện kéo dài hơn 01 năm thì giá đặt hàng được xác định tại năm đầu tiên. Việc điều chỉnh giá đặt hàng (nếu có) thực hiện theo quy định của Luật Giá và các văn bản có liên quan.

**Điều 15. Nhà nước bảo đảm và hỗ trợ kinh phí sáng tạo, phổ biến các công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật**

1. Nhà nước bảo đảm chi cho các hoạt động sáng tạo như sau:

a) Chi cho hoạt động sáng tạo của các chức danh theo quy định của pháp luật về tiền bản quyền trong các lĩnh vực: điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, nghệ thuật biểu diễn, báo chí, xuất bản. Việc tổ chức các chương trình nghệ thuật biểu diễn, hoạt động văn hóa phục vụ nhiệm vụ chính trị quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền bản quyền, phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang và các quy định khác có liên quan;

b) Chi cho các hoạt động truyền dạy, sưu tầm, dàn dựng, trình diễn, biểu diễn trong lĩnh vực văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật theo định mức kinh tế - kỹ thuật và mức chi do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

c) Chi cho các hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống, phục vụ đối tượng yếu thế vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Nghị định về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số;

d) Chi cho sản xuất phim theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 131/2022/NĐ-CP theo quy định của pháp luật về tiền bản quyền trong các lĩnh vực: điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, nghệ thuật biểu diễn, báo chí, xuất bản và tiền công theo định mức kinh tế-kỹ thuật hoặc tiền thù lao theo thỏa thuận;

e) Chương trình nghệ thuật biểu diễn do các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo chức năng, nhiệm vụ để phục vụ nhiệm vụ chính trị quốc gia, bộ, ngành và địa phương; chương trình nghệ thuật đỉnh cao; chương trình nghệ thuật truyền thống đặt hàng theo hình thức khoán chi quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Nhà nước hỗ trợ kinh phí sáng tạo

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí sáng tạo kịch bản phim thuộc các loại hình: phim truyện, phim hoạt hình, phim tài liệu, phim khoa học có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật đã được Hội đồng Trung ương thẩm định và

tuyển chọn kịch bản phim thẩm định. Các kịch bản phim được hỗ trợ không thuộc đối tượng được Nhà nước bảo đảm chi theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Các chức danh sáng tạo trong sản xuất phim, biểu diễn nghệ thuật, sáng tạo các công trình mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm;

c) Hỗ trợ tác giả thoả thuận chuyên giao các công trình tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật cho cơ quan tổ chức công lập để phổ biến phát hành rộng rãi cho nhân dân;

d) Chi cho sáng tạo các tác phẩm văn học được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Chương II Nghị định số 350/2025/NĐ-CP, bao gồm:

d1) Trong thời hạn 120 ngày làm việc, tác giả hoàn thành tác phẩm viết, sáng tác tác phẩm văn học và gửi đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Nghị định số 350/2025/NĐ-CP. Trong thời gian này, tác giả được chi trả tiền công theo ngày tương đương với mức lương của viên chức hạng II, bậc 1, loại A2.1;

d2) Kinh phí ăn, nghỉ của các tác giả được lựa chọn khi tham gia trại viết, trại sáng tác văn học tổ chức theo quy định tại Chương III Nghị định số 350/2025/NĐ-CP theo định mức kinh tế - kỹ thuật.

đ) Hỗ trợ kinh phí sáng tạo tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh sau đây:

đ1) Trong thời hạn 120 ngày làm việc, tác giả hoàn thành tác phẩm và gửi đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đánh giá thông qua Hội đồng chuyên môn. Trong thời gian này, tác giả được chi trả tiền công theo ngày tương đương với mức lương của viên chức hạng II, bậc 1, loại A2.1;

đ2) Kinh phí ăn, nghỉ của các tác giả được lựa chọn khi tham gia trại sáng tác theo định mức kinh tế - kỹ thuật;

e) Hỗ trợ kinh phí sáng tạo chương trình nghệ thuật biểu diễn.

### 3. Hỗ trợ phổ biến

a) Đối với tác phẩm văn học:

a1) Công bố, phổ biến trên nền tảng số, thư viện số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý trong thời hạn 03 năm và khuyến khích công bố, phổ biến tại các nền tảng khác trên cơ sở thoả thuận phù hợp với quy định về bản quyền;

Xuất bản tối đa 1.000 bản, chi phí phát hành để cấp phát miễn phí cho hệ thống thư viện công lập, Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài;

a2) Gửi tác phẩm văn học ra nước ngoài dự thi, giới thiệu theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 350/2025/NĐ-CP. Tác phẩm văn học được hỗ trợ khi đáp ứng đồng thời tiêu chí tại Điều 43 Luật Xuất bản và Điều 28 Nghị định số 350/2025/NĐ-CP;

a3) Hỗ trợ chi phí dịch thuật theo mức khoán chi văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài quy định tại mục C Phụ III Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc

hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

b) Đối với các chương trình nghệ thuật biểu diễn:

b1) Hằng năm, hỗ trợ tổ chức biểu diễn ít nhất 10 chương trình nghệ thuật theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều này với mục đích biểu diễn phục vụ công chúng miễn phí, bảo đảm mỗi chương trình biểu diễn ít nhất 05 buổi, ưu tiên các vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa, đối tượng học sinh, sinh viên. Kinh phí hỗ trợ chi phí đi lại, ăn ở, vận chuyển đạo cụ; bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn theo mức chi tại Nghị định quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang và quy định của pháp luật có liên quan.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, địa phương quyết định mức hỗ trợ và nội dung hỗ trợ địa điểm tổ chức, đi lại, ăn ở, vận chuyển đạo cụ, lắp đặt sân khấu, thiết bị âm thanh, ánh sáng, màn hình Led, thiết bị máy chiếu và các hạng mục hậu cần liên quan khác

b2) Hỗ trợ phát sóng các chương trình biểu diễn nghệ thuật theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

c) Đối với tổ chức triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh:

c1) Công bố, phổ biến triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh trên nền tảng số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý trong thời hạn 03 năm và khuyến khích công bố, phổ biến tại các nền tảng khác trên cơ sở thoả thuận phù hợp với quy định về bản quyền;

c2) Kinh phí hỗ trợ chi phí đi lại, ăn ở, vận chuyển tác phẩm, giám tuyển, hội đồng nghệ thuật theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia, các nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao và các nhiệm vụ theo thẩm quyền;

b) Quy định tổ chức và hoạt động và tiêu chí thẩm định của Hội đồng chuyên môn tư vấn cho cơ quan có thẩm quyền xác định công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật;

c) Phối hợp với các địa phương tổ chức triển khai các nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách để quyết định các nội dung, mức chi hỗ trợ cho các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

**Điều 16. Khoản chi kinh phí cho các hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa**

1. Nội dung khoản chi từng phần cho các hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa bao gồm:

a) Chi bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn theo mức chi tại Nghị định quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang;

b) Chi cho chức danh sáng tạo tác phẩm theo mức khoản chi theo quy định của pháp luật về chi trả tiền bản quyền trong các lĩnh vực: điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, nghệ thuật biểu diễn;

c) Chi thuê chuyên gia theo quy định của pháp luật về mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

d) Chi cho nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư tiêu hao phục vụ hoạt động sáng tạo.

2. Cơ sở xác định mức khoản chi theo một trong các phương thức xác định tương đương như sau:

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành;

b) Theo số lượng, khối lượng, đơn giá, giá dịch vụ, quyết toán năm trước liền kề với sự kiện tương tự có dự kiến biến động các yếu tố chi phí đầu vào;

c) Giá trúng thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia;

d) Giá tối đa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được công bố trên Hệ thống giá Quốc gia.

3. Nội dung khoản chi từng phần cho các hoạt động sáng tạo điện ảnh

Khoản chi buổi ra mắt, công bố giới thiệu phim đối với phim truyện sản xuất sử dụng ngân sách nhà nước. Mức khoản chi căn cứ mức chi đã thực hiện và quyết toán của năm trước liền kề.

## **Chương V**

### **QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA**

#### **Điều 17. Chính sách hỗ trợ, thúc đẩy quảng bá hình ảnh Việt Nam**

1. Nhà nước tổ chức Tuần Văn hóa Việt Nam; chương trình giao lưu nghệ thuật Việt Nam ở nước ngoài do trung ương tổ chức kỷ niệm thiết lập quan hệ ngoại giao với các quốc gia, đối tác quan trọng của Việt Nam trên thế giới, phục vụ các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước ở nước ngoài; chương trình giao lưu nghệ thuật tại nước ngoài do địa phương chủ trì tổ chức tại các thủ đô, thành phố kết nghĩa ở nước ngoài (sau đây gọi là sự kiện). Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức các sự kiện tại khoản này, bao gồm các khoản chi sau đây:

- a) Thuê địa điểm và các không gian phù hợp tổ chức sự kiện tại nhà hát, bảo tàng, triển lãm, quảng trường, trung tâm hội nghị;
- b) Thiết kế và dàn dựng sân khấu, không gian triển lãm, chiếu phim;
- c) Thuê trang thiết bị, âm thanh, ánh sáng, kỹ thuật phục vụ biểu diễn, triển lãm tại nước sở tại;
- d) Vận chuyển nhạc cụ, đạo cụ, trang phục, hiện vật triển lãm và các sản phẩm văn hóa từ Việt Nam đến địa điểm tổ chức và ngược lại;
- đ) Chi phí bản quyền tác giả, tác phẩm phục vụ sự kiện theo quy định; hoạt động truyền thông, quảng bá trên báo chí, truyền thông, mạng xã hội;
- e) In ấn tờ rơi, áp phích, bộ nhận diện sự kiện tại nước sở tại;
- g) Thuê chuyên gia, cộng tác viên, tình nguyện viên tại nước sở tại phục vụ công tác tổ chức, phiên dịch và hướng dẫn;
- h) Thù lao cho nghệ sĩ tham gia sự kiện.

Kinh phí cử đoàn ra nước ngoài thực hiện sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước về cử cán bộ đi công tác ngắn hạn.

Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, hỗ trợ cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục liên quan; kết nối với các cơ quan, tổ chức sở tại và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài để phối hợp tổ chức các hoạt động quảng bá hình ảnh Việt Nam.

## 2. Truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở nước ngoài

a) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức các lớp truyền dạy, giới thiệu nghệ thuật truyền thống Việt Nam ở nước ngoài do các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài tổ chức hoặc do các tổ chức, hiệp hội được cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài đề xuất, bao gồm: kinh phí mua sắm, vận chuyển các nhạc cụ, trang phục truyền thống sang địa bàn nơi tổ chức và kinh phí tổ chức lớp học truyền dạy và biểu diễn;

b) Nhà nước thực hiện đặt hàng hoặc hỗ trợ kinh phí cho các hội đoàn người Việt, các trường đại học nước ngoài có khoa Việt Nam học để tổ chức các lớp truyền dạy, biểu diễn nghệ thuật truyền thống Việt Nam ở nước ngoài;

c) Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú được cử đi truyền dạy, biểu diễn tại nước ngoài được hưởng mức thù lao chuyên gia theo quy định đặc thù, cao hơn 1,5 lần so với định mức công tác phí thông thường áp dụng cho cán bộ, công chức. Chuyên gia tại chỗ và các chuyên gia khác từ trong nước được hưởng thù lao, hỗ trợ chi phí đi lại theo quy định;

d) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng hệ thống bài giảng điện tử, video hướng dẫn đa ngôn ngữ (phụ đề hoặc lồng tiếng) các bộ môn nghệ thuật truyền thống để phổ biến đến các cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài;

đ) Nhà nước xây dựng "Kho tàng số Nghệ thuật truyền thống" và cấp quyền truy cập miễn phí cho các học viên tại nước ngoài vào cơ sở dữ liệu quốc gia về âm nhạc, vũ điệu và kịch bản tuồng, chèo, cải lương để phục vụ biểu diễn phi lợi nhuận;

e) Nhà nước có chính sách khen thưởng đối với các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong công tác truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở nước ngoài.

### 3. Dạy tiếng Việt

a) Nhà nước xây dựng giáo trình dạy tiếng Việt phù hợp theo địa bàn, độ tuổi và hình thức học tập trực tiếp và trực tuyến. Nhà nước thực hiện cấp tặng miễn phí bộ sách giáo khoa tiếng Việt chuẩn, học liệu số và tài liệu hướng dẫn văn hóa cho các Trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, các cơ sở giáo dục, câu lạc bộ văn hóa, các lớp học cộng đồng cuối tuần hoặc sau giờ học của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đăng ký thực hiện dạy và học tiếng Việt;

b) Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trực tuyến hoặc trực tiếp cho giáo viên, tình nguyện viên dạy tiếng Việt tại nước ngoài. Định kỳ một năm tổ chức ít nhất một lần; hỗ trợ xây dựng nền tảng dạy học trực tuyến, kho học liệu số, lớp học tiếng Việt trực tuyến dành cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài;

c) Khuyến khích phát triển các mô hình dạy và học tiếng Việt trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nền tảng số, thư viện số và học liệu đa phương tiện phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là thế hệ trẻ kiều bào.

Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức các lớp dạy tiếng Việt ở nước ngoài do Bộ Ngoại giao chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tổ chức.

4. Nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ văn hóa, võ dân tộc, ẩm thực Việt Nam, học tiếng Việt tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc

a) Hỗ trợ đối với mô hình Khu phố Việt Nam, Làng Việt Nam:

a1) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thiết kế phối cảnh kiến trúc, cổng chào, biển bảng và các biểu tượng văn hóa đặc trưng để tạo sự thống nhất về nhận diện thương hiệu văn hóa quốc gia.

a2) Hỗ trợ cung cấp hiện vật phục vụ trang trí không gian chung bao gồm: tranh ảnh di sản, sản phẩm thủ công mỹ nghệ tiêu biểu, tư liệu giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam;

a3) Ưu tiên đưa các mô hình Khu phố Việt Nam, Làng Việt Nam vào danh mục địa điểm quảng bá trong các chương trình xúc tiến du lịch quốc gia và các diễn đàn kinh tế quốc tế.

b) Hỗ trợ đối với mô hình câu lạc bộ văn hóa, võ dân tộc, ẩm thực:

b1) Cung cấp miễn phí hệ thống giáo trình, phim tư liệu hướng dẫn kỹ thuật võ thuật dân tộc (Vovinam, võ cổ truyền), công thức chuẩn hóa các món ăn ẩm thực tiêu biểu Việt Nam;

b2) Cung cấp định kỳ 02 năm một lần các gói hỗ trợ bao gồm: võ phục, thảm tập, dụng cụ thi đấu võ thuật; dụng cụ trình diễn ẩm thực và trang phục dân tộc phục vụ hoạt động câu lạc bộ;

b3) Kinh phí tổ chức các giải thi đấu võ thuật, hội thi ẩm thực Việt Nam, liên hoan nghệ thuật truyền thống quy mô khu vực hoặc toàn cầu để gắn kết các câu lạc bộ.

c) Hỗ trợ đối với mô hình học tiếng Việt:

c1) Nhà nước hỗ trợ xây dựng và duy trì các tủ sách truyền thống, góc Việt Nam, thư viện truyền thống và thư viện số tại các trung tâm cộng đồng, trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài; cung cấp miễn phí sách giáo khoa, truyện tranh, báo chí tiếng Việt phù hợp với từng lứa tuổi;

c2) Nhà nước đầu tư, xây dựng và duy trì hệ sinh thái học tiếng Việt trực tuyến đa nền tảng dành cho người Việt Nam ở nước ngoài, bao gồm công học tập điện tử (E-learning), thư viện số, ứng dụng học tiếng Việt trên thiết bị di động, công cụ hỗ trợ học tập ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), kho học liệu đa phương tiện và lớp học trực tuyến tương tác; cung cấp miễn phí hoặc hỗ trợ tài khoản học tập cho người học tại các địa bàn trọng điểm;

c3) Ưu tiên hỗ trợ thanh thiếu niên, thế hệ trẻ người Việt Nam ở nước ngoài tiếp cận tiếng Việt và văn hóa Việt Nam thông qua các chương trình giao lưu, trại hè, cuộc thi tiếng Việt, sân chơi sáng tạo số, hoạt động trải nghiệm văn hóa và kết nối với học sinh, sinh viên trong nước.

Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan nhân rộng các mô hình học tiếng Việt hiệu quả tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc; gắn với triển khai Đề án "Ngày Tôn vinh tiếng Việt trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài", thúc đẩy phát triển môi trường học tập và sử dụng tiếng Việt trong cộng đồng.

## **Điều 18. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Việt Nam ở nước ngoài**

1. Doanh nghiệp có sản phẩm văn hóa thuộc danh mục sản phẩm văn hóa tiêu biểu thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật nhiếp ảnh, điện ảnh có kịch bản, bản ghi âm, ghi hình, công trình, tác phẩm văn hóa có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả tại thị trường nước ngoài;

b) Thuê chuyên gia tư vấn định hướng thị trường, thiết kế bao bì, nhãn mác phù hợp với văn hóa nước sở tại;

c) Biên dịch, phụ đề, lồng tiếng và chuyên đổi định dạng kỹ thuật phục vụ xuất khẩu sản phẩm văn hóa.

## 2. Điều kiện thụ hưởng hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp có hồ sơ dự án quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Sản phẩm văn hóa xuất khẩu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác có liên quan, có tiềm năng xuất khẩu và thuộc sở hữu của thương nhân;

c) Có đội ngũ có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất nội dung, tạo ra số lượng lớn người xem thường xuyên trên các nền tảng xã hội, có khả năng tạo ra chuỗi giá trị gia tăng từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh nội dung liên quan đến sở hữu trí tuệ; có mối quan hệ với các đối tác quốc tế chuyên sản xuất và phân phối các nội dung để thực hiện được kế hoạch xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Việt Nam ra nước ngoài.

## 3. Quy trình hỗ trợ

a) Quý I năm trước năm kế hoạch, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này thông báo kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chương trình quảng bá, giới thiệu, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Việt Nam ở nước ngoài trên các phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin điện tử của cơ quan mình.

b) Trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kế hoạch, doanh nghiệp đề xuất được hỗ trợ xây dựng Đề án quảng bá, giới thiệu, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Việt Nam ở nước ngoài theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp Đề án không đúng với yêu cầu tại thông báo, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đề án, cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ trả lời doanh nghiệp bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận Đề án theo thông báo, cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ quyết định lựa chọn Đề án và thông báo cho doanh nghiệp về kết quả lựa chọn.

d) Căn cứ kết quả lựa chọn, cơ quan có thẩm quyền bổ sung kinh phí năm kế hoạch tiếp theo quy định của pháp luật về ngân sách và triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật.

## 4. Cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ đối với chương trình quốc gia về quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Việt Nam ở nước ngoài.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ đối với chương trình của địa phương về quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu của địa phương ở nước ngoài.

**Điều 19. Xây dựng và thực hiện trưng bày chuyên đề các sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới phục vụ nhiệm vụ chính trị, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam**

1. Việc lựa chọn sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam để thực hiện trưng bày hoặc kết hợp trưng bày gắn với các hoạt động thực hành, giáo dục di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi chung là trưng bày chuyên đề) tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới, phục vụ nhiệm vụ chính trị, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam được thực hiện bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Hiện vật trong sưu tập được lựa chọn phải có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học tiêu biểu; ưu tiên các hiện vật là bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm phản ánh đặc trưng văn hóa các thời kỳ lịch sử, các vùng miền hoặc các di sản văn hóa của Việt Nam;

b) Hiện vật trong sưu tập phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và thuộc quyền sở hữu, quản lý hợp pháp của Nhà nước Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

c) Hiện vật trong sưu tập phải được cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương đánh giá bảo đảm về tình trạng vật lý để vận chuyển và trưng bày. Việc thực hiện định giá hiện vật làm cơ sở mua bảo hiểm và lập phương án bảo vệ, bảo quản nghiêm ngặt trong suốt quá trình từ khi rời kho lưu giữ cho đến khi hoàn trả về Việt Nam theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

d) Sưu tập phải được xây dựng theo chủ đề khoa học, có đề cương trưng bày chặt chẽ, hấp dẫn, gắn liền với mục tiêu quảng bá hình ảnh quốc gia và phù hợp với định hướng đối ngoại của Đảng và Nhà nước, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

2. Tiêu chí lựa chọn bảo tàng có uy tín trên thế giới để phối hợp tổ chức trưng bày:

a) Bảo tàng tiếp nhận trưng bày chuyên đề phải là các tổ chức văn hóa có uy tín, có tầm ảnh hưởng tích cực tại quốc gia sở tại hoặc trên thế giới; có lượng khách tham quan ổn định và khả năng lan tỏa truyền thông cao;

b) Phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế về bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy và các thông số kỹ thuật về môi trường trưng bày (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng) phù hợp với yêu cầu bảo quản đối với từng loại chất liệu của hiện vật Việt Nam;

c) Bảo tàng đối tác phải ký kết thỏa thuận hợp tác bằng văn bản, cam kết đảm bảo quyền sở hữu của Việt Nam đối với hiện vật; tuân thủ các quy định quốc tế về quyền miễn trừ tịch thu tư pháp và các thủ tục hải quan, vận chuyển theo quy định của cả hai bên;

c) Ưu tiên các bảo tàng tại các địa bàn trọng điểm về đối ngoại, các trung tâm văn hóa lớn của thế giới nhằm tối ưu hóa mục tiêu chính trị, văn hóa và phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa.

3. Việc xây dựng và tổ chức trưng bày chuyên đề các sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới được thực hiện như sau:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức đoàn khảo sát, ký kết hợp tác tổ chức trưng bày giới thiệu di sản văn hóa Việt Nam tại bảo tàng có uy tín trên thế giới;

b) Nghiên cứu, xây dựng nội dung, xây dựng danh mục hiện vật trong sưu tập dự kiến trưng bày, đề cương trưng bày, biên soạn nội dung thuyết minh trưng bày; dịch thuật tư liệu phục vụ trưng bày, quảng bá trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, phê duyệt;

c) Tổ chức thiết kế tổng thể trưng bày, thiết kế đồ họa trưng bày, thiết kế ứng dụng công nghệ và các thiết kế phục vụ quảng bá, giới thiệu về trưng bày;

d) Tổ chức vận chuyển hiện vật, gồm đóng gói chuyên dụng, vận chuyển quốc tế và bảo quản tạm thời tại nước ngoài; thuê chuyên gia giám sát vận chuyển, bảo quản đi kèm sưu tập trong suốt quá trình vận chuyển và trưng bày;

e) Xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho hiện vật và mua bảo hiểm quốc tế cho toàn bộ sưu tập hiện vật;

g) Tổ chức lắp dựng trưng bày tại địa điểm trưng bày; lắp đặt các thiết bị an ninh, tủ trưng bày chuyên dụng tại điểm trưng bày;

h) Tổ chức các hoạt động giáo dục di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, hoạt động truyền thông gắn với nội dung trưng bày;

i) Tổ chức lễ khai mạc trưng bày chuyên đề, các hoạt động truyền thông và giới thiệu di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể tại bảo tàng nước ngoài.

4. Kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ cho xây dựng và tổ chức thực hiện trưng bày chuyên đề được bố trí để chi cho các nội dung, nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này; nội dung và định mức chi áp dụng theo quy định tại Nghị định số 308/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

## **Điều 20. Chính sách hoàn thuế cho đoàn làm phim nước ngoài sử dụng bối cảnh tại Việt Nam**

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam

được hưởng chính sách hoàn thuế đối với những bộ phim góp phần quảng bá đất nước, con người, du lịch Việt Nam theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

## 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách hoàn thuế

a) Cơ chế hoàn thuế quy định tại Điều này là cơ chế đặc thù thực hiện theo Nghị quyết số 28/2026/QH16 và được áp dụng độc lập với cơ chế hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Việc hoàn thuế chỉ áp dụng đối với dịch vụ sản xuất phim, bối cảnh quay phim, nhân lực, thiết bị kỹ thuật và các dịch vụ hợp pháp khác tại Việt Nam phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim truyền hình, phim tài liệu, phim hoạt hình, phim kết hợp nhiều loại hình.

## 3. Điều kiện được hưởng cơ chế hoàn thuế

Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hoàn thuế khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về điện ảnh;

b) Có sử dụng dịch vụ sản xuất phim, bối cảnh quay phim, nhân lực, thiết bị kỹ thuật và các dịch vụ hợp pháp khác tại Việt Nam phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim truyền hình, phim tài liệu, phim hoạt hình, phim kết hợp nhiều loại hình và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Nội dung phim góp phần quảng bá đất nước, con người, du lịch Việt Nam, không vi phạm Điều 9 Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 và có nội dung thể hiện sử dụng bối cảnh tại Việt Nam.

## 4. Các khoản chi phí được hoàn thuế bao gồm:

a) Chi phí thuê, sản xuất bối cảnh quay phim tại Việt Nam;

b) Chi phí thuê dịch vụ kỹ thuật điện ảnh, hậu kỳ, dựng phim, âm thanh, kỹ xảo và các dịch vụ sản xuất phim khác tại Việt Nam;

c) Chi phí mua, thuê thiết bị phục vụ hoạt động quay phim tại Việt Nam.

## 5. Mức hoàn thuế

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này được áp dụng mức hoàn thuế tối thiểu bằng 3% tổng số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại Việt Nam;

b) Mức hoàn thuế bổ sung:

b1) Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hoàn thuế theo quy định tại điểm a khoản này được hoàn thêm 1% số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại Việt Nam đối với bộ phim có hình ảnh tích cực về các địa danh, di sản, danh lam thắng cảnh Việt Nam;

b2) Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hoàn thuế theo quy định tại điểm a khoản này được hoàn thuế thêm 1% số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại Việt Nam

đối với bộ phim sử dụng nhân sự ở các vị trí là các chức danh sáng tạo hoặc thực hiện hậu kỳ, dựng phim, âm thanh, kỹ xảo hoặc xử lý hình ảnh tại Việt Nam;

c) Tổng số thuế được hoàn tối đa không vượt quá 5% số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại Việt Nam hoặc không quá 50% số thuế giá trị gia tăng thực tế phát sinh tại Việt Nam đối với hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện hoàn thuế.

6. Hồ sơ đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế bao gồm:

a) Văn bản đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam;

c) Hợp đồng cung cấp dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam;

d) Kế hoạch sản xuất phim và dự toán chi phí phát sinh tại Việt Nam;

đ) Danh mục hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan;

e) Văn bản của Hội đồng thẩm định do cơ quan có thẩm quyền thành lập.

7. Trình tự, thủ tục thẩm định nội dung phim đáp ứng điều kiện hưởng cơ chế hoàn thuế

a) Sau khi được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân gửi giấy phép đến cơ quan thuế để đăng ký thủ tục hoàn thuế;

b) Sau khi hoàn thành phim, có bản phim hoàn chỉnh và được phép phổ biến hoặc phát hành tại nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị thẩm định nội dung để xác định mức hoàn thuế đến cơ quan quản lý về văn hóa tại trung ương hoặc địa phương. Hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị thẩm định nội dung đáp ứng quy định tại khoản 1, điểm b1 và b2 khoản 5 Điều này; giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam;

c) Cơ quan quản lý về văn hóa tại trung ương hoặc địa phương thông qua Hội đồng thẩm định để cấp văn bản xác nhận bộ phim đủ điều kiện chuyên môn về hoàn thuế.

8. Trình tự, thủ tục hoàn thuế

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 6 Điều này đến Cục Thuế nơi đăng ký hoàn thuế;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định điều kiện áp dụng cơ chế hoàn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế đến Cục Thuế theo quy định của pháp luật về thuế;

9. Thủ tục để hoàn thuế về tài khoản của tổ chức, cá nhân nước ngoài

a) Căn cứ quyết định hoàn thuế của cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước thực hiện chi hoàn thuế từ ngân sách trung ương theo luật ngân sách nhà nước và luật quản lý thuế;

b) Số tiền hoàn thuế được chuyển bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán hợp pháp của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam được tổ chức, cá nhân nước ngoài ủy quyền nhận hoàn thuế;

c) Việc chuyển khoản hoàn thuế được thực hiện bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và pháp luật có liên quan;

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài có yêu cầu chuyển khoản ra nước ngoài, việc chuyển tiền được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về các tổ chức tín dụng, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quy định của pháp luật khác có liên quan.

## **Chương VI**

### **QUỸ VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT**

#### **Điều 21. Quỹ văn hóa, nghệ thuật**

1. Nhà nước thí điểm thành lập Quỹ Văn hóa, nghệ thuật (sau đây gọi là quỹ) ở trung ương và một số địa phương. Quỹ ở trung ương do Thủ tướng Chính phủ thành lập, quỹ ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. Thời gian thí điểm đến năm 2035.

2. Mô hình hoạt động: Quỹ hoạt động theo mô hình hợp tác công tư dựa trên hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh (BCC), cơ chế đồng đầu tư giữa quỹ và các nhà đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm, là quỹ đầu tư mạo hiểm, hoạt động theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn.

3. Nguồn vốn của quỹ: Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách trung ương hoặc địa phương, cấp một lần và được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu tài trợ, hỗ trợ, đầu tư cho:

a) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật có mô hình kinh doanh sáng tạo, có khả năng tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường dựa trên khai thác hiệu quả công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ, ý tưởng đột phá hoặc mô hình kinh doanh mới;

b) Chương trình, dự án văn hóa, nghệ thuật có tính sáng tạo đột phá, có tiềm năng thị trường và khả năng thương mại, khả năng lan tỏa, tác động xã hội mà không được ngân sách nhà nước cấp kinh phí trong các lĩnh vực: điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, bảo tồn, bảo tàng, nghệ thuật biểu diễn.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ vốn góp từ ngân sách nhà nước, tổng mức vốn nhà nước trong vốn điều lệ của quỹ ở trung ương phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng huy động nhà đầu tư tham gia thành lập quỹ; ban hành điều lệ quỹ, quy chế đầu tư của quỹ ở trung ương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ vốn góp từ ngân sách địa phương, tổng mức vốn nhà nước trong vốn điều lệ của quỹ ở địa phương phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng huy động nhà đầu tư tham gia thành lập quỹ; ban hành điều lệ hoạt động của quỹ, quy chế đầu tư của quỹ ở địa phương.

5. Quỹ có thể thành lập riêng hoặc kết hợp với quỹ đầu tư mạo hiểm hiện có. Trường hợp không thành lập riêng quỹ thì bổ sung đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này vào điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm đã thành lập.

## Chương VII

### MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỘT PHÁ KHÁC TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA

**Điều 22. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê bất động sản khác là tài sản công**

1. Nhà xuất bản, cơ sở sản xuất phim tài liệu và khoa học do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công đối với diện tích sử dụng trực tiếp cho hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm; tổ chức hoạt động giới thiệu sách, triển lãm sách; thư viện và phát triển văn hóa đọc; sản xuất phim tài liệu, phim khoa học và thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Miễn 100% tiền thuê đất; giảm 80% tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công đối với diện tích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Không áp dụng miễn, giảm đối với diện tích sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc hoạt động khác không thuộc khoản 1 Điều này.

4. Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định danh mục, diện tích, mức miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công cụ thể đối với từng đơn vị trên địa bàn bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu hỗ trợ phát triển văn hóa, không làm thất thoát tài sản công.

**Điều 23. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bố trí kinh phí đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước**

Việc bố trí kinh phí đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài (sau

đây gọi chung là bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị) về nước được thực hiện như sau:

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép chủ trương sử dụng ngân sách nhà nước để mua, đấu giá và đưa về nước.

2. Bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương mua hoặc đấu giá và đưa về Việt Nam, đưa về Việt Nam theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này gửi Bộ Tài chính để bố trí kinh phí thực hiện.

3. Sau khi nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Bộ Tài chính xem xét, cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện việc mua hoặc đấu giá bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị và đưa về Việt Nam, đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị về Việt Nam. Trường hợp mua hoặc đấu giá bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị có thời hạn giao dịch, chuyên nhượng gấp theo điều kiện của phía nước ngoài, không đủ thời gian để lập hồ sơ gửi Bộ Tài chính cấp kinh phí theo quy định tại khoản 4 Điều này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được chủ động sử dụng dự toán ngân sách nhà nước giao hàng năm để thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp kinh phí gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí theo quy định.

4. Hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính cấp kinh phí mua, đấu giá, đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Tài liệu chứng minh về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và nguồn gốc Việt Nam của hiện vật, gồm văn bản giám định, ảnh đặc tả, tư liệu lịch sử;

c) Thông tin về đấu giá hoặc thỏa thuận mua bán, gồm hồ sơ đấu giá, hợp đồng nguyên tắc hoặc văn bản báo giá của phía nước ngoài kèm Dự toán chi tiết kinh phí bao gồm: giá mua, chi phí chuyển quyền sở hữu, phí đấu giá, phí dịch vụ pháp lý, chi phí bảo hiểm, chi phí đóng gói, vận chuyển quốc tế và chi phí bảo quản tạm thời, chi phương án bảo đảm an ninh, an toàn, chi phí vận chuyển bảo vật quốc gia, cổ vật về Việt Nam.

#### **Điều 24. Ưu tiên sử dụng dịch vụ và đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất tại đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động văn hóa, nghệ thuật truyền thống**

1. Khi tổ chức các sự kiện, chương trình nghệ thuật quốc gia, quốc tế phục vụ nhiệm vụ chính trị ở trung ương và địa phương, ưu tiên sự tham gia của các chất liệu từ các loại hình nghệ thuật truyền thống phù hợp với nội dung của sự kiện, chương trình.

2. Việc thực hiện đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho đơn vị sự nghiệp công lập đang cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu là dịch vụ văn hóa, nghệ thuật truyền thống phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 25. Bảo đảm thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống trên hệ thống phát thanh, truyền hình**

1. Đối với kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình

a) Chương trình tin tức văn hóa, nghệ thuật:

a1) Thời lượng truyền dẫn, phát sóng: Tối thiểu 60 giây cho một lần truyền dẫn, phát sóng;

a2) Tần suất truyền dẫn, phát sóng mới: Tối thiểu 01 lần cho một ngày; riêng tháng 11 hàng năm 03 lần cho một ngày;

a3) Thời điểm truyền dẫn, phát sóng: Trong các chuyên mục bản tin hàng ngày.

b) Chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống:

b1) Thời lượng truyền dẫn, phát sóng: Tối thiểu 15 phút cho một lần truyền dẫn, phát sóng;

b2) Tần suất truyền dẫn, phát sóng mới: Tối thiểu 01 lần trong một tuần; riêng tháng 11 hàng năm là tối thiểu 03 lần trong một tuần;

b3) Thời điểm truyền dẫn, phát sóng: Trong khung giờ từ 18h00 đến 22h00 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; trong khung giờ từ 8h00 đến 12h00 và trong khung giờ từ 18h00 đến 22h00 các ngày thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần.

2. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước có tôn chỉ, mục đích, nội dung chuyên biệt về văn hóa, nghệ thuật, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống thực hiện theo quy định tại giấy phép được cấp.

3. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước có tôn chỉ, mục đích phục vụ đối tượng trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số và phục vụ nhiệm vụ đối ngoại, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống bảo đảm tối thiểu 02% tổng thời lượng phát sóng kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình tính theo ngày.

4. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước khác, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống bảo đảm tối thiểu 01% tổng thời lượng phát sóng kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình tính theo tuần.

## 5. Trách nhiệm của cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình

a) Thực hiện truyền dẫn, phát sóng đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này;

b) Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình văn hóa đặc trưng của địa phương;

c) Xây dựng kế hoạch hàng năm để triển khai sản xuất, truyền dẫn, phát sóng đáp ứng yêu cầu tuyên truyền về văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống;

d) Chủ động đề xuất hoặc bố trí đủ kinh phí sản xuất, truyền dẫn, phát sóng theo quy định tại Nghị định này.

## 6. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí

a) Chỉ đạo các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép được cấp và đúng theo chương trình, kế hoạch hàng năm của cơ quan;

b) Bố trí kinh phí bảo đảm duy trì giao nhiệm vụ, đặt hàng cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình trực thuộc thực hiện sản xuất, truyền dẫn, phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật theo quy định tại Nghị định này.

## **Điều 26. Chính sách tuyển dụng đối với tài năng và nhân lực đặc thù về nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao**

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao được áp dụng hình thức tiếp nhận vào viên chức đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

### 2. Đối tượng tiếp nhận:

a) Người học được đào tạo, tốt nghiệp trong nước hoặc nước ngoài thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao ở trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển và có thành tích chuyên môn đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a1) Có bằng tốt nghiệp đạt loại xuất sắc hoặc có bằng tốt nghiệp đạt loại giỏi và có kết quả học tập môn chuyên ngành hoặc kết quả đánh giá luận văn, đề án, đề án, dự án, tác phẩm, chương trình tốt nghiệp, bài thi tốt nghiệp, bài sáng tác tốt nghiệp đạt loại xuất sắc hoặc có điểm đánh giá đạt từ 9,0 trở lên. Trường hợp văn bằng không thể hiện mức xếp loại thì điểm trung bình toàn khóa học đạt từ 8,0 đối với văn bằng yêu cầu loại giỏi; từ 9,0 đối với văn bằng yêu cầu loại xuất sắc hoặc được quy đổi mức tương đương theo quy định;

a2) Có bằng tốt nghiệp thuộc ngành, chuyên ngành hiếm, đặc thù lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, trong đó kết quả học tập môn chuyên ngành hoặc kết quả đánh giá luận văn, luận án, đề án, đề án, dự án, tác phẩm, chương trình tốt

nghệ, bài thi tốt nghiệp, bài sáng tác tốt nghiệp đạt loại xuất sắc hoặc có điểm đánh giá đạt từ 9,0 trở lên;

a3) Có bằng tiến sĩ.

b) Người có trình độ đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm tuyển dụng đạt được một trong các huy chương, giải thưởng cá nhân tại cuộc thi, liên hoan, triển lãm, giải đấu chuyên ngành cấp quốc gia, khu vực, châu lục, quốc tế phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng, cụ thể như sau:

b1) Lĩnh vực thể thao: Người đạt 02 huy chương Vàng giải Đại hội Thể thao khu vực Đông Nam Á (SEA Games) hoặc đạt 01 huy chương Bạc hoặc huy chương Vàng Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD) hoặc giành suất chính thức tham dự Đại hội thể thao Thế giới (Olympic, Olympic trẻ) hoặc đạt 03 huy chương Vàng giải vô địch Đông Nam Á hoặc đạt 01 huy chương Vàng giải vô địch Châu Á hoặc đạt 01 huy chương giải vô địch thế giới;

b2) Lĩnh vực điện ảnh: Người đạt 02 giải thưởng xuất sắc trở lên tại một trong các liên hoan, cuộc thi, giải thưởng sau: Liên hoan phim Việt Nam; Liên hoan phim quốc tế hoặc Giải thưởng điện ảnh quốc tế tổ chức ở trong nước và nước ngoài có tối thiểu 50 quốc gia hoặc vùng lãnh thổ gửi phim tham dự hoặc các cuộc thi sáng tác kịch bản do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức. Tác phẩm tham dự liên hoan phim, giải thưởng phim phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép phổ biến trước khi tham dự. Giải thưởng xuất sắc phải được trao tại các liên hoan, cuộc thi, giải thưởng khác nhau;

b3) Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn: Người đạt 01 huy chương Vàng (hoặc giải Nhất, giải Xuất sắc, cúp Vàng) toàn quốc hoặc quốc tế do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức; hoặc đạt 01 giải Vàng quốc tế tại cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế cho thí sinh tham dự từ đủ 18 tuổi (riêng đối với Xiếc từ đủ 14 tuổi trở lên, Múa từ đủ 16 tuổi trở lên) do cơ quan nhà nước, tổ chức hoặc cơ sở đào tạo chuyên ngành của nước ngoài tổ chức;

b4) Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm: Người đạt 02 giải Nhất (hoặc giải Vàng) và tương đương trở lên tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm sau đây: Festival Mỹ thuật trẻ toàn quốc, Festival Nhiếp ảnh trẻ, Cuộc thi và Triển lãm Điêu khắc toàn quốc, Cuộc thi và Triển lãm Mỹ thuật Việt Nam, Cuộc thi và Triển lãm Mỹ thuật ứng dụng toàn quốc, Cuộc thi và Triển lãm Ảnh nghệ thuật Việt Nam, Cuộc thi và Triển lãm tranh đồ họa 10 nước ASEAN, Festival Nhiếp ảnh Quốc tế do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền tiếp nhận vào làm viên chức thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tuyển dụng, quản lý và sử dụng viên chức.

4. Người được tuyển dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này được hưởng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và

các tổ chức chính trị - xã hội. Trợ cấp thu hút lần đầu sau tuyển dụng áp dụng như sau:

a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được hưởng chế độ như sinh viên tốt nghiệp xuất sắc;

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được hưởng chế độ như chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao trong các ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng điểm, quan trọng.

**Điều 27. Đào tạo lại cho viên chức thuộc các lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, xiếc, múa khi hết tuổi nghề**

1. Viên chức trong các lĩnh vực sau đây được học tập để chuyển đổi vị trí việc làm khi hết tuổi nghề:

a) Nghệ thuật truyền thống;

b) Xiếc;

c) Múa.

2. Viên chức quy định tại khoản 1 Điều này được xác định hết tuổi nghề khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Không đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, thể lực, kỹ năng vận động, độ dẻo dai, phản xạ nghề nghiệp, chất lượng biểu diễn, vị trí biểu diễn trực tiếp, có thời gian trực tiếp luyện tập, biểu diễn chuyên môn (liên tục hoặc cộng dồn) từ 15 năm trở lên;

b) Được đơn vị sử dụng viên chức đánh giá không còn phù hợp để tiếp tục đảm nhiệm vị trí biểu diễn trực tiếp nhưng còn khả năng bố trí, đào tạo, sử dụng ở vị trí việc làm khác;

c) Có nguyện vọng được đào tạo để chuyển đổi sang vị trí việc làm phù hợp hơn trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật hoặc vị trí hỗ trợ chuyên môn tại đơn vị.

3. Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo lại, bồi dưỡng, chuyển đổi nghề nghiệp cho viên chức quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Học phí, chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi phí tài liệu, giáo trình, học liệu, thiết bị học tập cần thiết;

c) Chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian đào tạo tập trung ngoài địa bàn công tác (nếu có);

d) Kinh phí kiểm tra, đánh giá, cấp chứng chỉ hoặc xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo;

đ) Các chi phí hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc đào tạo lại, bồi dưỡng, chuyển đổi vị trí việc làm.

#### 4. Vị trí việc làm sau đào tạo lại

Viên chức sau đào tạo thì được xem xét bố trí vào vị trí việc làm phù hợp, bao gồm:

- a) Đạo diễn, huấn luyện, truyền dạy;
- b) Biên đạo, dàn dựng, trợ lý đạo diễn, trợ lý nghệ thuật;
- c) Quản lý biểu diễn, tổ chức sản xuất chương trình, điều phối nghệ thuật;
- d) Công tác bảo tồn, phục dựng, truyền dạy nghệ thuật truyền thống;
- đ) Công tác nghiên cứu, tư liệu hóa, số hóa, lưu trữ, truyền thông, giáo dục nghệ thuật;
- e) Vị trí việc làm khác phù hợp với nhu cầu của đơn vị.

5. Mức hỗ trợ được xác định theo chương trình đào tạo, thời gian đào tạo, yêu cầu chuyển đổi vị trí việc làm và khả năng ngân sách, nhưng phải bảo đảm đủ điều kiện để viên chức tham gia đào tạo lại thực chất, hiệu quả.

Kinh phí hỗ trợ được bố trí từ ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### 6. Trình tự thực hiện

- a) Đơn vị sử dụng viên chức rà soát, lập danh sách viên chức thuộc diện hết tuổi nghề cần đào tạo lại;
- b) Tổ chức đánh giá năng lực, sức khỏe, nguyện vọng và khả năng bố trí vị trí việc làm sau đào tạo;
- c) Xây dựng kế hoạch đào tạo lại, bồi dưỡng, chuyển đổi vị trí việc làm;
- d) Gửi cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí;
- đ) Tổ chức thực hiện đào tạo, đánh giá kết quả và bố trí vị trí việc làm phù hợp sau đào tạo.

#### 7. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng viên chức

- a) Đánh giá, lập kế hoạch đào tạo lại đối với viên chức hết tuổi nghề;
- b) Bố trí sử dụng phù hợp viên chức thuộc lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, xiếc, múa hết tuổi nghề;
- c) Bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích việc sử dụng kinh phí hỗ trợ.

**Điều 28. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp văn hóa; nhân lực chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, sáng tạo nội dung số về văn hóa**

1. Người học, viên chức, người lao động, chuyên gia, cá nhân hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa được xem xét, hỗ

trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước hoặc nước ngoài khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Nhân lực chất lượng cao các ngành công nghiệp văn hóa;
- b) Nhân lực chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, sáng tạo nội dung số về văn hóa; quản trị tài sản trí tuệ trên môi trường số;

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở đào tạo, tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực liên quan cử, đề cử hoặc tuyển chọn tham gia chương trình, khóa đào tạo, bồi dưỡng theo đề án, kế hoạch, nhiệm vụ, dự án hoặc chương trình hợp tác được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với danh mục lĩnh vực, chuyên ngành ưu tiên do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành hoặc công bố theo thẩm quyền;

c) Có hồ sơ năng lực, kết quả học tập, thành tích chuyên môn, công trình, sản phẩm, dự án hoặc kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo, bồi dưỡng;

d) Có cam kết làm việc, tham gia hoạt động nghề nghiệp, chuyên gia hoặc ứng dụng kết quả đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của chương trình, đề án, nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Hình thức hỗ trợ gồm:

- a) Cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của cơ quan, đơn vị;
- b) Hỗ trợ theo chương trình, đề án, dự án hoặc đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng;
- c) Liên kết đào tạo, bồi dưỡng với cơ sở đào tạo, tổ chức, chuyên gia trong nước và nước ngoài;
- d) Hỗ trợ học tập, thực hành nghề nghiệp, thực tập, trao đổi chuyên môn, cập nhật công nghệ, kỹ năng số, quản trị, sở hữu trí tuệ và kiến thức chuyên sâu khác đáp ứng mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa.

4. Thẩm quyền phê duyệt:

a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đối với chương trình, đề án, nhiệm vụ do Bộ chủ trì hoặc đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chỉ được quyết định cử đi bồi dưỡng ngắn hạn và hỗ trợ kinh phí trong phạm vi dự toán được giao khi được cấp có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền.

5. Người được hỗ trợ có trách nhiệm báo cáo kết quả học tập, nộp văn bằng, chứng chỉ, sản phẩm, báo cáo chuyên gia; trường hợp được hỗ trợ đào tạo có thời gian từ 03 tháng trở lên thì phải cam kết phục vụ hoặc tham gia hoạt động nghề nghiệp theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị, chương trình, đề án trong thời gian tối thiểu gấp hai lần thời gian đào tạo, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực văn hóa xây dựng đề án mở mã ngành về công nghiệp văn hóa.

### **Điều 29. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao giám tuyển tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa**

#### 1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng

a) Công chức, viên chức đang làm công tác chuyên môn tại các bảo tàng công lập và các đơn vị công lập có trưng bày, triển lãm về di sản văn hoá, mỹ thuật, nhiếp ảnh, tại các đơn vị quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật;

b) Cán bộ quản lý triển lãm tại các trung tâm văn hóa, đơn vị lưu trữ di sản văn hoá, mỹ thuật, nhiếp ảnh;

c) Các nghệ sĩ, họa sĩ, nhà nghiên cứu làm việc tại bảo tàng, đơn vị có trưng bày, triển lãm về di sản văn hoá, mỹ thuật, nhiếp ảnh có năng lực và nguyện vọng chuyển sang công tác giám tuyển chuyên nghiệp.

#### 2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

a) Kiến thức nền về mỹ thuật, nhiếp ảnh và lịch sử nghệ thuật;

b) Lý thuyết giám tuyển hiện đại, gồm nội dung về tư duy biên tập nội dung, xây dựng thông điệp và câu chuyện (storytelling) cho di sản văn hoá, mỹ thuật, nhiếp ảnh;

c) Kỹ năng làm việc với thiết kế trưng bày, triển lãm; giám tuyển trưng bày, triển lãm số, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và các ứng dụng tương tác đa phương tiện;

d) Kỹ năng quản trị trưng bày, triển lãm, marketing văn hóa và xây dựng trải nghiệm khách tham quan;

d) Kiến thức về luật pháp và đạo đức nghề nghiệp liên quan đến giám tuyển, gồm bản quyền tác phẩm, quy trình mượn - trả hiện vật quốc tế và đạo đức nghề nghiệp giám tuyển và các nội dung liên quan khác.

3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài gồm các trường đại học quốc tế uy tín trong lĩnh vực di sản văn hoá, mỹ thuật, nhiếp ảnh, các viện nghiên cứu chuyên ngành và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế liên quan.

4. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng được quy định từ 01 đến 06 tháng đối với các khóa bồi dưỡng ngắn hạn; từ 01 đến 02 năm đối với chương trình thạc sĩ và

từ 04 đến 05 năm đối với chương trình tiến sĩ, bao gồm cả thời gian thực tập tại các bảo tàng, triển lãm, viện nghiên cứu lớn ở trong nước và nước ngoài.

5. Nguồn kinh phí: Từ ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo quyết định.

### **Điều 30. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao giám định tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa**

#### 1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng

a) Công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật; trung tâm giám định hiện vật; bảo tàng công lập; viện nghiên cứu chuyên ngành về khảo cổ, Hán Nôm, lịch sử, mỹ thuật, nhiếp ảnh; triển lãm là đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Các nhà khoa học trẻ thuộc lĩnh vực khảo cổ học, vật lý, hóa học, sinh học hiện đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập liên quan có định hướng ứng dụng khoa học vào giám định di sản văn hoá, mỹ thuật, nhiếp ảnh chuyên nghiệp.

#### 2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

a) Phương pháp giám định khoa học, gồm các kỹ năng sử dụng các thiết bị công nghệ cao (phân tích đồng vị carbon, tia X, quang phổ, soi vi mạch) để xác định niên đại và chất liệu;

b) Giám định mỹ thuật, kỹ thuật và phong cách, gồm các kiến thức về kỹ năng phân tích đặc điểm tạo hình, hoa văn, kỹ thuật chế tác qua các thời kỳ lịch sử;

c) Kỹ năng phát hiện hiện vật giả, gồm kỹ năng nhận diện các kỹ thuật làm giả cổ vật tinh vi và xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện vật thật - giả;

d) Số hóa dữ liệu giám định, gồm các kỹ năng ứng dụng AI và Blockchain trong việc thiết lập hồ sơ số, truy xuất nguồn gốc và bảo mật thông tin di sản, tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh;

đ) Nghiên cứu thị trường và định giá, gồm các kiến thức về thị trường cổ vật quốc tế, quy trình đấu giá và các quy định pháp luật về sở hữu di sản văn hoá, tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh;

e) Những nội dung liên quan khác.

3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài gồm các trường đại học quốc tế uy tín trong lĩnh vực di sản văn hoá, mỹ thuật, nhiếp ảnh, các viện nghiên cứu chuyên ngành và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế liên quan.

4. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng được quy định từ 01 đến 06 tháng đối với các khóa bồi dưỡng ngắn hạn; từ 01 đến 02 năm đối với chương trình thạc sĩ và từ 04 đến 05 năm đối với chương trình tiến sĩ, bao gồm cả thời gian thực tập tại các bảo tàng, viện nghiên cứu lớn ở trong nước và nước ngoài, .

5. Nguồn kinh phí: Từ ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo quyết định.

**Điều 31. Chính sách ưu tiên phát triển tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao**

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án phát triển tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, đề án tổ chức các cuộc thi tài năng chuyên ngành ở trong nước và nước ngoài theo giai đoạn 10 năm trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao để đào tạo, bồi dưỡng, biểu diễn, thi đấu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và chăm sóc sức khỏe chuyên biệt để phục vụ biểu diễn, luyện tập, nghiên cứu theo hướng đồng bộ, hiện đại đạt chuẩn khu vực và quốc tế gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa và công nghiệp văn hóa.

**Điều 32. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện số hóa di sản văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt**

Nhà nước bảo đảm kinh phí để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện số hóa di sản văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt thực hiện như sau:

1. Ngân sách nhà nước để thực hiện số hóa di sản văn hóa đã được xếp hạng di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được phân bổ từ nguồn ngân sách sự nghiệp thường xuyên hoặc nguồn vốn khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật về di sản văn hóa.

2. Nội dung ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí bao gồm các hoạt động sau:

- a) Điều tra, kiểm kê, lập danh mục và chuẩn hóa dữ liệu di sản văn hóa;
- b) Số hóa hồ sơ khoa học, tư liệu, hình ảnh, bản vẽ, bản đồ, phim, âm thanh và dữ liệu liên quan đến di sản văn hóa;
- c) Thực hiện chụp ảnh, bản vẽ 2D, bản vẽ 3D, xây dựng mô hình số và cơ sở dữ liệu số đối với di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và các yếu tố cấu thành giá trị di sản văn hóa;
- d) Xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm ứng dụng, hệ thống lưu trữ dữ liệu, sao lưu dữ liệu, hệ thống an ninh dữ liệu, nền tảng quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu số về di sản văn hóa;
- đ) Kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa và cơ sở dữ liệu chuyên ngành văn hóa;
- e) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ công tác chuyển đổi số và quản trị dữ liệu di sản văn hóa;

g) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật và lưu trữ lâu dài dữ liệu số về di sản văn hóa.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch, lộ trình và bố trí nguồn lực thực hiện số hóa di sản văn hóa tại địa phương;

b) Tổ chức quản lý, cập nhật, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và an toàn của dữ liệu số về di sản văn hóa;

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia;

d) Huy động tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, tài trợ, cung cấp giải pháp công nghệ cho hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa quy định tại Khoản 2 Điều này và theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích Ủy ban nhân dân cấp tỉnh huy động nguồn ngân sách xã hội hóa, hợp tác công tư, tài trợ, viện trợ và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để phát triển hạ tầng văn hóa số và thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa.

## **Chương VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 33. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định chương trình bồi dưỡng tập trung chuyên sâu về văn hóa, nghệ thuật, thể thao;

b) Chủ trì tiếp nhận, thẩm định hồ sơ thẩm định nội dung phim đủ điều kiện áp dụng cơ chế hoàn thuế;

c) Kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Nghị định này;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương tổ chức thi hành Nghị định, sơ kết, báo cáo Chính phủ về kết quả thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết số 28/2026/QH16 và Nghị định này sau 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành hoặc trong thời hạn theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn và hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng quy định hướng dẫn các mức chi hỗ trợ cụ thể tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm đối với việc thực hiện cơ chế hoàn thuế.

3. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các quy định tại Nghị định này.

4. Trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại nghị định này trên địa bàn;

b) Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định chính sách hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hoạt động quay phim, sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương nhằm quảng bá hình ảnh, văn hóa, du lịch của địa phương và Việt Nam, phù hợp quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Nội dung hỗ trợ bao gồm:

b1) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, bối cảnh quay phim tại địa phương;

b2) Hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, mặt bằng, công trình công cộng phục vụ hoạt động quay phim;

b3) Hỗ trợ chi phí quảng bá, truyền thông, phát hành phim gắn với quảng bá hình ảnh địa phương;

b4) Hỗ trợ chi phí tổ chức sản xuất phim, hậu cần, lưu trú, vận chuyển và các hoạt động phục vụ trực tiếp quá trình quay phim tại địa phương;

b5) Miễn, giảm các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của địa phương đối với hoạt động quay phim, sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

b6) Hỗ trợ kinh phí sáng tạo, phổ biến theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 28/2026/QH16, khoản 2 Điều 15 Nghị định này đối với các hoạt động trên địa bàn quản lý, bao gồm: địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật, truyền thông;

b7) Kiểm tra, giám sát, báo cáo đối với hoạt động sản xuất, truyền dẫn, phát sóng các chương trình về văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống của địa phương.

#### **Điều 34. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

#### **Điều 35. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Công pháp luật quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Lê Minh Hưng**

**Phụ lục**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP  
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Đề án quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Việt Nam ra nước ngoài
Mẫu số 02	Văn bản đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN**  
**QUẢNG BÁ, XUẤT KHẨU SẢN PHẨM VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA**  
**VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP**

1. **Tên doanh nghiệp:**

.....

2. **Mã số doanh nghiệp (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):**

.....

3. **Địa chỉ trụ sở chính:**

.....

4. **Người đại diện theo pháp luật:**

• Họ và tên: .....

• Số định danh cá nhân:.....

• Chức vụ: .....

• Số điện thoại: .....

• Email: .....

5. **Lĩnh vực hoạt động chính:**

.....

6. **Thông tin đầu mối thực hiện đề án:**

• Họ và tên: .....

• Chức vụ: .....

• Điện thoại: .....

• Email: .....

**II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VĂN HÓA ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

**Tên sản phẩm văn hóa:**

.....

1. **Loại hình sản phẩm:**

Nghệ thuật biểu diễn

Mỹ thuật

Nhiếp ảnh

- Điện ảnh
- Bản ghi âm, ghi hình
- Công trình/tác phẩm văn hóa khác

Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ/quyền tác giả:

.....

**2. Tình trạng pháp lý của sản phẩm:**

- Đã đăng ký bảo hộ tại Việt Nam
- Chưa đăng ký bảo hộ
- Đang thực hiện thủ tục đăng ký

**3. Mô tả tóm tắt sản phẩm văn hóa:**

Nội dung chính:

.....

Giá trị tư tưởng, nghệ thuật, văn hóa:

.....

Thành tích, giải thưởng (nếu có):

.....

Thị trường nước ngoài dự kiến xuất khẩu/quảng bá:

.....

Đối tượng công chúng mục tiêu:

.....

**III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN QUẢNG BÁ, XUẤT KHẨU**

**1. Mục tiêu của đề án**

.....

.....

**2. Nội dung hoạt động đề nghị hỗ trợ**

- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả tại thị trường nước ngoài
- Thuê chuyên gia tư vấn định hướng thị trường, thiết kế bao bì, nhãn mác phù hợp với văn hóa nước sở tại
- Biên dịch, làm phụ đề, lồng tiếng; chuyển đổi định dạng kỹ thuật phục vụ xuất khẩu

**3. Kế hoạch triển khai**

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Kết quả dự kiến
1				
2				
3				

#### 4. Hiệu quả dự kiến

a) Hiệu quả văn hóa

.....

b) Hiệu quả kinh tế

.....

c) Hiệu quả quảng bá hình ảnh Việt Nam

.....

#### IV. NĂNG LỰC CỦA DOANH NGHIỆP

1. Kinh nghiệm sản xuất và phát hành sản phẩm văn hóa

.....

2. Năng lực truyền thông và phát triển công chúng

Các nền tảng xã hội đang vận hành:

.....

Số lượng người theo dõi/người xem thường xuyên:

.....

Các chiến dịch truyền thông đã triển khai:

.....

3. Khả năng tạo chuỗi giá trị gia tăng từ sở hữu trí tuệ

.....

4. Đối tác quốc tế tham gia sản xuất, phân phối

.....

5. Nhân sự chủ chốt thực hiện đề án

Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm chuyên môn

#### V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí thực hiện .....

2. Kinh phí đề nghị Nhà nước hỗ trợ .....

3. Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp .....

4. Dự toán chi tiết

STT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Đề nghị hỗ trợ	Doanh nghiệp đối ứng
1				
2				
3				
Tổng				

## **VI. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP**

Doanh nghiệp cam kết:

1. Các thông tin trong hồ sơ là trung thực, chính xác;
2. Sản phẩm văn hóa không vi phạm quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan;
3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định;
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hồ sơ và việc triển khai đề án.

*Ngày ..... tháng ..... năm .....*

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 02: Văn bản đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: .....

**I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ**

1. Tên tổ chức/cá nhân nước ngoài: .....
2. Quốc tịch (đối với tổ chức/cá nhân nước ngoài): .....
3. Địa chỉ trụ sở/chỗ ở chính: .....
4. Số hộ chiếu: .....
5. Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập:.....
6. Người đại diện (nếu có): .....
7. Thông tin liên hệ: .....
8. Doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam được ủy quyền thực hiện thủ tục (nếu có):
  - 8.1. Tên doanh nghiệp:.....
  - 8.2. Mã số thuế: .....
  - 8.3. Địa chỉ: .....
  - 8.4. Người đại diện theo pháp luật: .....
  - 8.5. Căn cước công dân (ngày cấp, nơi cấp):.....

**II. THÔNG TIN VỀ BỘ PHIM**

1. Tên bộ phim: .....
- 1.1. Loại hình phim:
  - Phim truyện
  - Phim tài liệu, khoa học
  - Phim hoạt hình
  - Phim kết hợp nhiều loại hình
- 1.2. Quốc gia sản xuất/chủ đầu tư: .....

1.3. Thời gian quay phim tại Việt Nam: từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

1.4. Địa điểm quay phim tại Việt Nam: .....

1.5. Nội dung chính của phim (tóm tắt):

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

1.6. Nội dung quảng bá hình ảnh Việt Nam (nếu có):

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

1.7. Tỷ lệ, nội dung sử dụng nhân sự và dịch vụ hậu kỳ tại Việt Nam (nếu có):

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG CƠ CHẾ HOÀN THUẾ**

1. Tổng chi phí phát sinh tại Việt Nam đủ điều kiện hoàn thuế:

.....

2. Tổng số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại Việt Nam:

.....

3. Mức hoàn thuế đề nghị áp dụng:

- Mức hoàn thuế cơ bản theo điểm a khoản 5 Điều 20
- Mức hoàn thuế bổ sung theo điểm b1 khoản 5 Điều 20
- Mức hoàn thuế bổ sung theo điểm b2 khoản 5 Điều 20

4. Tổng số tiền đề nghị hoàn thuế: .....

5. Tài khoản đề nghị nhận hoàn thuế:

- 5.1. Tên chủ tài khoản: .....
- 5.2. Số tài khoản: .....
- 5.3. Ngân hàng: .....
- 5.4. Quốc gia mở tài khoản: .....

#### **IV. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO**

- Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam;
- Kế hoạch sản xuất phim và dự toán chi phí phát sinh tại Việt Nam;
- Danh mục hóa đơn, chứng từ hợp pháp;
- Văn bản xác nhận của Hội đồng thẩm định;
- Tài liệu khác (nếu có): .....

#### **V. CAM KẾT**

Chúng tôi cam kết:

1. Các thông tin kê khai và tài liệu gửi kèm là trung thực, chính xác và hợp pháp;
2. Các khoản chi phí đề nghị hoàn thuế đáp ứng đúng điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam;
3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tính chính xác của hồ sơ đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)